Mẫu CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của TGĐ SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VLXD ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số 189../DXV-CBTT	*Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2019*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

Công ty: **Công ty Cổ phần VICEM Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng.**
Mã chứng khoán: DXV
Địa chỉ trụ sở chính: Số 15, Lê Hồng Phong, P. Phước Ninh, Q.Hải Châu, TP Đà Nẵng.
Điện thoại: : 0236 3834 984
Fax: 0236 382 2338
Người thực hiện công bố thông tin: Phan Viết Quyền
Địa chỉ: Số 15, Lê Hồng Phong, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.
Điện thoại: 0905320243: Fax: 0236 382 2338
Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ: Định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

Công ty CP VICEM VLXD Đà Nẵng (Mã CK:DXV) xin công bố thông tin: Thông báo mời họp và tài liệu Đại hội cổ đông thường niên 2019.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 22/3/2019, tại địa chỉ trang Web: Http://www.coxiva.com.vn

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG
M.S.D.N: 0400101820-C.T.C.P
Q. HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG

Phan Viết Quyền

Nơi nhận:
- Như trên.
- Lưu Thư ký HĐQT

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM **CÔNG TY CP VICEM VLXD ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do- Hạnh phúc**
Số: 186 /TB-DXV-HĐQT	*Đà Nẵng, ngày 21 tháng 3 năm 2019*

THÔNG BÁO MỜI HỌP

V/v: Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019

Công ty Cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng trân trọng kính mời Quý cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng, cụ thể:

1. **Thời gian:** 08 giờ 00 ngày 05 tháng 4 năm 2019
2. **Địa điểm :** Hội trường Công ty - Số 15 – Lê Hồng Phong - Phường Phước Ninh – Quận Hải Châu – TP. Đà Nẵng.
3. **Đối tượng dự họp:** Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng theo danh sách cổ đông chốt tại 16h00 ngày 14/3/2019
4. **Chương trình nghị sự:** Gửi kèm theo Thông báo mời họp
5. **Tài liệu phục vụ Đại hội:** Các tài liệu phục vụ Đại hội đề nghị Quý Cổ đông tham khảo tại địa chỉ: [www.coxiva.com.vn]

Trường hợp cổ đông không thể tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác họp thay (theo mẫu Giấy uỷ quyền đính kèm).

6. **Xác nhận tham dự Đại hội:**
   - Các đề xuất của Quý cổ đông hoặc người được uỷ quyền về nội dung Chương trình Đại hội xin vui lòng gửi văn bản về BTC Đại hội trước 16h00 ngày 31/3/2019
   - Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, Quý cổ đông hoặc người được uỷ quyền vui lòng xác nhận việc tham dự Đại hội trước 16h00 ngày 31/3/2019 bằng cách liên lạc hoặc gửi Giấy xác nhận tham dự Đại hội về BTC Đại hội:

   BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VLXD ĐÀ NẴNG

   Địa chỉ: Số 15 – Lê Hồng Phong - Phường Phước Ninh – Q.Hải Châu – TP. Đà Nẵng

   Điện thoại: 0236 3822442

   Liên hệ: Ông Phan Viết Quyền - Điện thoại: 0905320243.

Trân trọng thông báo./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG

Đoàn Nam Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VLXD ĐÀ NẴNG
Trụ sở chính: Số 15 – Lê Hồng Phong - Phường Phước Ninh – Quận Hải Châu – TP. Đà Nẵng
Điện thoại: 0236 3822442.

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019

Thời gian: 8 giờ 00 ngày 05 tháng 4 năm 2019

Địa điểm: Hội trường Công ty - Số 15 – Lê Hồng Phong - Phường Phước Ninh – Quận Hải Châu – TP. Đà Nẵng

Thời gian	Nội dung
8h00 - 8h30	Đón tiếp đại biểu, cổ đông, kiểm tra thủ tục, phát tài liệu
8h30 - 8h40	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
8h40 - 8h45	Tuyên bố lý do ĐH và giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự
8h45 - 9h00	Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu và thông qua Chương trình nghị sự, Quy chế làm việc của Đại hội
9h00 – 9h20	Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 2018 và kế hoạch SXKD 2019
9h20 – 9h40	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018 và kế hoạch hoạt động 2019
9h40 – 10h00	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2018 và kế hoạch hoạt động 2019
10h00 – 10h20	Đọc tờ trình phê duyệt BCTC kiểm toán năm 2018
10h20 – 10h30	Đọc tờ trình phương án phân phối lợi nhuận 2018
10h30 – 10h40	Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và kế hoạch thù lao năm 2019
10h40 – 10h50	Đọc tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2019 Đọc tờ trình V/v ký kết hợp hợp đồng mua bán XM
10h50 – 11h20	- Ý kiến phát biểu của đại diện cổ đông lớn VICEM - Đại hội thảo luận - Đại hội biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình đại hội
11h20 – 11h35	Nghỉ giải lao
11h35 – 11h45	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết
11h45 – 11h55	Thông qua Biên bản Đại hội
11h55 – 12h00	Bế mạc Đại hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
=====o0o=====

……, ngày tháng năm 2019

GIẤY XÁC NHẬN

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VLXD ĐÀ NẴNG

Kính gửi: BTC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CP VICEM VLXD ĐÀ NẴNG

Tên cổ đông:……Mã cổ đông:……..

Số CMND/ĐKKD:……..Cấp ngày……Tại…….....

Địa chỉ:……..

Điện thoại:……Fax:……Email:…….....…..

Tổng số cổ phần sở hữu:……...

(bằng chữ:……....)

Xác nhận tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng tổ chức vào 08h00 ngày 05/4/2019 tại Trụ sở Công ty Cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng, Địa chỉ: Số 15 – Lê Hồng Phong - Phường Phước Ninh – Quận Hải Châu – TP. Đà Nẵng

CỔ ĐÔNG
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

……..

Ghi chú: Đề nghị quý Cổ đông xác nhận việc tham gia (hoặc ủy quyền cho người đại diện tham dự theo mẫu Giấy ủy quyền kèm theo), gửi Fax và bản chính về địa chỉ sau trước 16h00 ngày 31/3/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VLXD ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 15 – Lê Hồng Phong - Phường Phước Ninh – Quận Hải Châu – TP. Đà Nẵng
Điện thoại: 0236 3822442.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
=====o0o=====

……, ngày tháng năm 2019

GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VLXD ĐÀ NẴNG

Kính gửi: BTC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VLXD ĐÀ NẴNG

Tên cổ đông:……

Số CMND/ĐKKD:……..Cấp ngày……Tại…….....

Địa chỉ:……

Tổng số cổ phần sở hữu:……(bằng chữ:……)

Nay Tôi ủy quyền cho:

Ông (bà):……

Số CMND:……..Cấp ngày……Tại…….....

Địa chỉ:……..

Số cổ phần ủy quyền:……

Được quyền thay thế Tôi/Công ty tham dự Đại hội cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng tổ chức vào 08h00 ngày 05 tháng 4 năm 2019 và có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội cổ đông liên quan đến số cổ phần được uỷ quyền. Giấy Ủy quyền này có hiệu lực đến khi kết thúc kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN	**NGƯỜI ỦY QUYỀN**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*
……	……..

Ghi chú: Xin vui lòng gửi Fax và bản chính Giấy ủy quyền về địa chỉ sau trước 16h00 ngày 31/3/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VLXD ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 15 – Lê Hồng Phong - Phường Phước Ninh – Quận Hải Châu – TP. Đà Nẵng
Điện thoại: 0236 3822442.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY UỶ QUYỀN

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VLXD ĐÀ NẴNG

Kính gửi: BTC ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VLXD ĐÀ NẴNG

Hôm nay, ngày ...../...../2019, tại ....., chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng có tên trong Danh sách được gửi kèm theo đây, cùng nhất trí ủy quyền cho người có tên dưới đây:

Thông tin người được ủy quyền:

☐ **Ông: Doãn Nam Khánh – Chủ tịch HĐQT Công ty**

CMND số: 013579981, Ngày cấp: 19/1/2013, Nơi cấp: CA Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 8, Dãy H, Khu Yên Hòa, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

☐ **Ông: Trần Văn Khôi – TV.HĐQT – Giám đốc Công ty**

CMND số: 201006349, Ngày cấp: 22/12/2016, Nơi cấp: CA TP. Đà Nẵng

Địa chỉ thường trú: Tổ 248, P.Hòa Khê, Q.Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

☐ **Ông: Lê Kế Tích – TV.HĐQT**

CMND số: 200895670, Ngày cấp: 19/11/2015, Nơi cấp: CA TP. Đà Nẵng

Địa chỉ thường trú: Tổ 120, Phường Hòa Khê – Q. Thanh Khê – TP. Đà Nẵng

☐ **Ông: Đinh Ngọc Châu – TV.HĐQT**

CMND số: 201006660, Ngày cấp: 24/4/2018, Nơi cấp: CA TP. Đà Nẵng

Địa chỉ thường trú: Số 71, Đặng Dung, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu - TP Đà Nẵng

☐ **Ông: Nguyễn Hữu Vỹ – TV.HĐQT**

CMND số: 201033563, Ngày cấp: 01/11/2007, Nơi cấp: CA TP. Đà Nẵng

Địa chỉ thường trú: Tổ 59, P. Hòa Thọ Đông - Q. Cẩm Lệ - TP. Đà Nẵng

☐ **Cá nhân khác:**

Ông (bà): ....

CMND số: ....Ngày cấp: ....Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú:.....

Được thay mặt chúng tôi tham dự Đại hội cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng tổ chức vào 08h00 ngày 05/4/2019 và có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội cổ đông liên quan đến số cổ phần được uỷ quyền. Giấy Ủy quyền này có hiệu lực đến khi kết thúc kỳ họp Đại hội cổ đông thường niên của Công ty.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN	**NGƯỜI ỦY QUYỀN**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký tên trong Danh sách kèm theo)*
.....	

Ghi chú: Quý cổ đông ủy quyền cho ai đánh dấu (x) vào ô của người ấy.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ỦY QUYỀN THEO NHÓM THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Người được ủy quyền:

STT	Họ tên	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ thường trú	Số cổ phần sở hữu	Ký tên
	Tổng cộng				

Ghi chú: Xin vui lòng gửi Fax và bản chính Giấy ủy quyền về địa chỉ sau trước 16h00 ngày: 31/3/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VLXD ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 15 – Lê Hồng Phong - Phường Phước Ninh – Quận Hải Châu – TP. Đà Nẵng
Điện thoại: 0236 3822442.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM - VICEM
CÔNG TY CP VICEM VLXD ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do- Hạnh phúc

Số:..... /QC-/DXV-HĐQT

Đà Nẵng, ngày tháng 4 năm 2019

QUY CHẾ
LÀM VIỆC TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Quy định chung

Quy chế này quy định quyền, nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông; trách nhiệm của các chủ thể khi tham gia Đại hội cổ đông; cách thức thảo luận tại Đại hội cổ đông thường niên 2019 của Công ty Cổ phần Vicem vật liêu xây dựng Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Đại hội") nhằm đảm bảo Đại hội đạt kết quả.

Điều 2: Mục đích

Quy định này nhằm mục đích đảm bảo cho Đại hội được tiến hành đúng trình tự và thủ tục luật định và phù hợp với quy định của pháp luật; đảm bảo cho Đại hội được tiến hành trong trật tự, an toàn, đúng thời gian trong chương trình nghị sự của Đại hội; đảm bảo cho các cổ đông thực thi các quyền và lợi ích hợp pháp của mình một cách dân chủ, bình đẳng và đoàn kết, phản ánh được mong muốn của đa số người tham dự vì quyền lợi của cổ đông và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững Công ty.

Điều 3: Chương trình nghị sự

1. Chương trình nghị sự của Đại hội được gửi trước cho các cổ đông kèm theo Thư mời họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 04 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội (cụ thể là trước 16 giờ ngày 31/3/2019). Kiến nghị phải ghi rõ: tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, mã số cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chấp nhận và đưa các kiến nghị này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung hoặc vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Chương trình và nội dung Đại hội phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc Đại hội.

Điều 4: Nghĩa vụ của Cổ đông tại Đại hội

Cổ đông khi tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau đây

1) Mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự
2) Xuất trình đầy đủ giấy tờ tùy thân, thư mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách đại biểu tại bàn tiếp đón.
3) Giữ trật tự và tư cách nghiêm túc trong giờ họp
4) Không hút thuốc lá, không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong Hội trường
5) Giao tiếp hòa nhã, thân thiện; không được bỏ về giữa giờ khi chưa có sự đồng ý của chủ tọa Đại hội

6) Phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức đại hội quy định và tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức.
7) Tuyệt đối tuân thủ sự điều hành của chủ tọa, chỉ được phát biểu khi có sự đồng ý của chủ tọa.

CHƯƠNG II: TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Điều 5: Các vấn đề được Đại hội đồng cổ đông thông qua

Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Vicem vật liệu xây dựng Đà Nẵng có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

1) Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 2018 và kế hoạch SXKD 2019;
2) Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018 và kế hoạch hoạt động 2019;
3) Báo cáo hoạt động của BKS năm 2018 và kế hoạch hoạt động 2019;
4) Đọc tờ trình phê duyệt BCTC kiểm toán năm 2018;
5) Đọc tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018;
6) Mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019;
7) Đọc tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019;
8) Đọc tờ trình V/v Công ty ký hợp đồng mua bán XM.

Điều 6: Đoàn chủ tịch

Điều hành Đại hội là Đoàn Chủ tịch, gồm có Chủ tịch (là Chủ tịch Hội đồng quản trị) và các thành viên do Chủ tịch giới thiệu, Chủ tịch là người chủ trì Đại hội (Chủ tọa). Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đoàn Chủ tịch có trách nhiệm:

1) Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các qui chế, thể lệ đã được Đại hội thông qua.
2) Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3) Có quyền hoãn Đại hội khi đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp có người tham dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
4) Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
5) Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

Điều 7: Thư ký Đại hội

1. Giúp việc cho Đoàn Chủ tịch và Đại hội là Thư ký Đại hội. Thư ký Đại hội do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tán thành.

2. Thư ký có nhiệm vụ:

1) Ghi chép đầy đủ và trung thực các nội dung của Đại hội.
2) Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố các văn kiện, kết luận hoặc thông báo gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
3) Chịu trách nhiệm trước Chủ tọa Đại hội và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình; ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội;

tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của các cổ đông; soạn thảo biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

Điều 8: Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm 02 người do Công ty cổ phần Vicem vật liệu xây dựng Đà Nẵng cử ra và có trách nhiệm:

1) Giúp Chủ tọa Đại hội kiểm tra các điều kiện để tiến hành Đại hội;
2) Kiểm tra tư cách của cổ đông dự họp;
3) Phát phiếu biểu quyết cho Cổ đông trong danh sách dự họp trước giờ khai mạc;
4) Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 9: Ban kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tán thành. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

1) Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc biểu quyết;
2) Tổ chức kiểm phiếu biểu quyết;
3) Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết của các cổ đông, đại diện cổ đông;
4) Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội, công bố kết quả biểu quyết;
5) Giao kết quả kiểm phiếu biểu quyết cho Đoàn Chủ tịch hoặc Thư ký Đại hội.

Điều 10: Các quyền của Cổ đông

1. Cổ đông Công ty có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền bằng Giấy ủy quyền (theo mẫu do Ban tổ chức Đại hội quy định) cho 01 (một) người đại diện tham dự và phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội. Mỗi cổ đông hoặc đại diện cho các cổ đông khi đến tham dự Đại hội cần phải mang theo giấy tờ tùy thân gồm: CMND (hoặc hộ chiếu), Giấy mời tham dự, Giấy ủy quyền tham dự Đại hội nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và sẽ được nhận Phiếu biểu quyết và tham gia biểu quyết.

Cổ đông, đại diện cổ đông tới dự Đại hội muộn, được đăng ký và sau đó có quyền biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa Đại hội không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

2. Cổ đông được Ban tổ chức Đại hội thông báo công khai thông tin về Chương trình Đại hội đồng cổ đông, được phát tài liệu liên quan đến nội dung Đại hội và có trách nhiệm:

1) Tuân thủ Nội quy Đại hội.
2) Phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức.
3) Thảo luận các nội dung báo cáo.
4) Biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.
5) Chấp hành sự điều khiển của chủ tọa Đại hội.

CHƯƠNG III: THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT VÀ BIÊN BẢN ĐẠI HỘI

Điều 11: Thảo luận tại Đại hội

Khi thảo luận các vấn đề trong chương trình Đại hội, cổ đông cần tuân thủ các quy định sau đây:

1. Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa chấp thuận cho phát biểu.

2. Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được

thông qua để đảm bảo đại hội được tiến hành đúng như chương trình nghị sự đã thông qua, nội dung không bị vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp.

3. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp theo tuần tự và chỉ được tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến trùng lập với nhau thì Đoàn Chủ tịch sẽ chọn lọc và trả lời chung cho tất cả các cổ đông. Sau khi không còn ý kiến phát biểu của các cổ đông, Chủ tọa sẽ lần lượt trả lời ý kiến của từng cổ đông hoặc chỉ định người có trách nhiệm trong Ban điều hành Công ty trả lời các ý kiến này.

Điều 12: Biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết :
   - Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện
   - Mỗi cổ đông được cấp 01 Thẻ biểu quyết (màu hồng) và 01 phiếu biểu quyết trong đó ghi tên cổ đông/đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Vicem vật liệu xây dựng Đà Nẵng.
2. Thể lệ biểu quyết:

- Quý cổ đông sẽ giơ Thẻ biểu quyết màu hồng để xác nhận ý kiến theo yêu cầu của Người lấy ý kiến (Đồng ý, Không đồng ý, ý kiến khác) về những vấn đề như Chương trình đại hội, quy chế đại hội, đoàn chủ tịch, thư ký, biên bản đại hội…
- Quý cổ đông sẽ đánh dấu vào một trong các ô sau (Đồng ý, Không đồng ý, ý kiến khác) trong phiếu biểu quyết .

3. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện để thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Điều 13: Biên bản Đại hội

Các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản Đại hội. Biên bản phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Vicem vật liệu xây dựng Đà Nẵng.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu VT, Thư ký.

Doãn Nam Khánh

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM - VICEM **CÔNG TY CP VICEM VLXD ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số /BC/DXV-GĐ	*Đà Nẵng, ngày tháng năm 2019*

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SXKD NĂM 2018
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Phần thứ nhất

THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018

I. Tình hình hoạt động:

Công ty CP VICEM VLXD Đà Nẵng là đơn vị thành viên trực thuộc VICEM nắm giữ cổ phần chi phối, có chức năng nhiệm vụ kinh doanh các loại xi măng của các đơn vị trực thuộc VICEM, sản xuất vỏ bao xi măng và gạch Tuynel. Trong năm 2018 Công ty triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh với những đặc điểm tình hình như sau:

1. Thuận lợi:

- Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam có bước tăng trưởng, tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, kinh tế vĩ mô duy trì ổn định, các cân đối lớn về tài chính, tiền tệ, tín dụng cơ bản được bảo đảm, việc xây dựng cơ sở hạ tầng được tiếp tục hoàn thiện và nâng cao, các chính sách đầu tư của Nhà nước thông thoáng làm cho vốn đầu tư trong và ngoài nước tăng lên, thu nhập của người dân tăng tạo điều kiện khách quan thuận lợi trong Công ty.

- Công ty tiếp tục nhận được sự chỉ đạo sát sao của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và sự giúp đỡ các Công ty sản xuất trong VICEM.

- Các Nhà máy sản xuất xi măng quay trở lại sử dụng vỏ bao KPK.

2. Khó khăn:

- Trong năm 2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bên cạnh những thuận lợi cơ bản cũng gặp không ít khó khăn, thách thức, đó là tình trạng xi măng trong nước tiếp tục mất cân đối, cung vẫn vượt xa cầu, tạo nên sự cạnh tranh xi măng nội địa ngày càng quyết liệt, địa bàn tiêu thụ hạn chế; sản phẩm vỏ bao xi măng chưa phát huy hết công suất thiết bị, giá cả vật tư đầu vào cho sản xuất biến động tăng cao, trong khi giá bán không tăng, thậm chí có những mặt hàng phải giảm giá bán như gạch tuynel.

- Tháng 4/2018 Công ty có sự thay đổi về nhân sự lãnh đạo Hội đồng quản trị, Ban điều hành; Lãnh đạo mới vừa tiếp cận, nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, vừa phải phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra năm 2018 để đảm bảo việc làm đời sống cho người lao động.

- Quý 4/2018 gặp khó khăn khi khai thác vận chuyển xi măng từ Nhà máy về địa bàn tiêu thụ ảnh hưởng đến tiêu thụ sản phẩm những tháng cuối năm 2018. Đặc biệt tháng 12 thời thiết không thuận lợi ở miền trung nên ảnh hưởng lớn đến việc tiêu thụ xi măng và vỏ bao.

II. Tổng quan về kết quả SXKD:

1. Kết quả hoạt động kinh sản xuất doanh năm 2018

Danh mục	Doanh thu (tỷ đ)	Lợi nhuận (tỷ đ)	Nộp NS (tỷ đ)	EBITDA (tỷ đ)	Tỷ suất LN/Vốn CSH (%)
KH năm 2018	394.618	7.500	10.144	10,7	4,77
TH năm 2018	334.931	0,228	7,479	3,9	0,13
% Thực hiện/KH	84,87	3,04	73,7	36,44	2,73
%TH/cùng kỳ 2017	107,33	3,08	117,22	35,27	2,68

Năm 2018 trong điều kiện khó khăn về thị trường tiêu thụ, Ban điều hành cùng đội ngũ cán bộ quản lý đã cố gắng nỗ lực, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội ĐHCĐ đề ra. Tuy nhiên kết quả SXKD năm 2018 các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận không đạt như Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao do các nguyên nhân chính sau:

- Doanh thu năm 2018 đạt 334,931 tỷ đồng, so với NQ đạt 84,87%, so với năm 2017 tăng 7,33%. Nguyên nhân doanh thu không đạt so với NQ năm 2018 do 2 chỉ tiêu sản lượng xi măng và sản lượng vỏ bao không đạt NQ năm đề ra. Sản lượng gạch tuynel vượt NQ năm nhưng giá bán gạch giảm mạnh so với với kế hoạch đầu năm nên doanh thu từ gạch tuynel giảm.
- Lợi nhuận năm chỉ đạt 228 triệu đồng, so với NQ năm đạt 3,04%, so với năm 2017 đạt 3,08%. Nguyên nhân lợi nhuận không đạt NQ năm 2018 là do các chỉ tiêu sản lượng xi măng, vỏ bao không đạt NQĐH đề ra, bên cạnh đó khi bước vào triển khai thực hiện kế hoạch thì các chi phí nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất như đất sét, than, đặc biệt là giá nhựa và giấy sản xuất vỏ bao liên tục tăng mạnh so với giá bình quân năm 2017, trong khi đó giá bán vỏ bao ngang với giá thành sản xuất, giá bán gạch còn giảm so với đầu năm.
- Nộp ngân sách đúng đủ theo quy định của pháp luật về thuế, phí và lệ phí. Số nộp ngân sách thấp so với NQĐHCĐ là do lợi nhuận năm 2018 không đạt kế hoạch nên số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp giảm.

2. Thực hiện mục tiêu KH Tài chính:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Danh mục	Doanh thu	Lợi nhuận	Nộp NS	EBITDA	Tỷ suất R.O.A (%)	Tỷ suất R.O.E (%)
KH năm 2018	394.618	7.500	10.144	10,7	6,48	4,77
TH năm 2018	334.931	0,228	7,479	3,9	0,09	0,13
% TH/KH	84,87	3,04	73,7	36,44	1,38	2,73
% so cùng kỳ 2017	107,33	3,08	117,22	35,27	2,63	2,68

- Nhận xét đánh giá các chỉ số :
  + EBITDA: Theo kế hoạch đầu năm là 10,7 tỷ, thực hiện đạt 3,9 tỷ bằng 36,44% kế hoạch và bằng 35,27% so với năm 2017.
  + Tỷ suất ROA: Kế hoạch đặt ra là 6,48%, thực hiện chỉ 0,09%, bằng 1,38% KH và 2,63% so với cùng kỳ ;
  + Tỷ suất ROE: Kế hoạch đặt ra là 4,77%, thực hiện chỉ 0,13% bằng 2,73% kế hoạch và 2,68% so với năm 2017.

3. Thực hiện mục tiêu KH sản lượng năm 2018:

3.1. Tổng sản lượng thực hiện:

TT	Nội dung	ĐVT	NQ năm 2018	Thực hiện năm 2018	Thực hiện so NQ (%)	TH năm 2018 so 2017(%)
1	Xi măng kinh doanh	Tấn	200.000	171.192	85,60	116,51
2	Vỏ bao	1.000c	20.000	17.250	86,25	141,16
3	Gạch nung	1.000 v (QTC)	43.000	44.231	102,86	89,14

3.2. Kết quả kinh doanh các mảng, các nguyên nhân ảnh hưởng đến đến kết quả SXKD các mảng năm 2018:

a) Kinh doanh xi măng :

Sản lượng năm 2018 tiêu thụ: 171.192 tấn đạt 85,60 % so với NQ năm 2018 và đạt 116,51 % so với cùng kỳ năm 2017.

- **Công ty đã triển khai một số biện pháp trong công tác điều hành kinh doanh như:**

- Tăng cường khai thác phương tiện vận tải đường bộ vận chuyển xi măng Tam Điệp từ Nhà máy về các địa bàn Bình Định, Gia Lai đáp ứng kịp thời nhu cầu khách hàng.
- Đã triển khai vận chuyển xi măng Tam Điệp bằng đường thủy, đường sắt đưa về cảng Quy Nhơn và các ga Bình Định nhằm ổn định nguồn hàng.
- Đã triển khai đưa xi măng Hoàng Thạch vào lại thị trường Đà Nẵng, Quảng Nam, từ tháng 9/2018.
- Có chính sách giá bán linh hoạt từng địa bàn phù hợp với chính sách của NSX và tình hình thực tế của diễn biến thị trường.
- Đẩy mạnh tiêu thụ đồng thời tăng cường thu hồi công nợ để tăng khả năng bán hàng
- Tiết kiệm chi phí bán hàng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Thực hiện phân tích đánh giá hoạt động của NPP hằng tháng nhằm có chính sách phù hợp với từng địa bàn.

- **Nguyên nhân sản lượng không đạt NQĐHCĐ:**

- Thị trường Gia Lai, Kom Tum: NSX phân công giao cho VICEM VLXD Đà Nẵng, không ổn định thay đổi nhiều lần, bị thu hẹp ảnh hưởng đến thị trường, sản lượng xi măng tiêu thụ.
- Cạnh tranh nội bộ do các thương hiệu xi măng trong Vicem có giá bán chênh lệch nhau trên cùng địa bàn.
- Thời tiết không thuận lợi trong tháng 11 và 12, đồng thời năng lực dỡ hàng tại Cảng Quy Nhơn quá tải dẫn đến lượng xi măng về thị trường Gia Lai bị gián đoạn.
- Khai thác phương tiện vận chuyển đường bộ, đường sắt vận chuyển xi măng từ Nhà máy về địa bàn tiêu thụ gặp khó khăn.

- **Một số tồn tại trong kinh doanh xi măng:**

- Lực lượng làm công tác thị trường, bán hàng còn yếu, còn thiếu tính năng động và chưa theo kịp yêu cầu của diễn biến của thị trường
- Quản lý vận tải xi măng chưa tối ưu, chưa chủ động trong vận tải: Hệ thống kinh doanh xi măng hiện nay chủ yếu là sử dụng phương tiện xã hội nên việc điều tiết hàng, tiến độ... bị ảnh hưởng và không thực sự chủ động trong việc cung cấp xi măng cho hệ thống.
- Công nợ còn cao, cần có giải pháp tăng cường thu hồi nợ về hạn mức cho phép.

b) Sản xuất - kinh doanh vỏ bao xi măng :

Tổng sản lượng vỏ bao tiêu thụ năm 2018 thực hiện 17,250 triệu vỏ đạt 141,16% so với cùng kỳ năm 2017, so với NQ năm 2018 đạt 86,25%.

- **Nguyên nhân sản lượng vỏ bao không đạt NQĐHCĐ:**

- So với cùng kỳ sản lượng vỏ bao tăng do Vicem Hải Vân quay trở lại sử dụng vỏ bao KPK và Công ty ký kết hợp đồng tăng sản lượng cung cấp với các đơn vị ngoài Vicem: như Nghi sơn, Vissai, Ngũ Hành Sơn và trong Quý IV đã ký thêm được hợp đồng cung cấp vỏ bao cho Hà Tiên và Bỉm sơn tại Quảng Trị.
- Tuy nhiên, sản lượng vỏ bao xi măng không đạt kế hoạch đặt ra do một số khách hàng lớn bị giảm sản lượng như Đồng Lâm, Hòn Khói, Bỉm Sơn.

- **Một số tồn tại trong sản xuất và kinh doanh vỏ bao xi măng:**

- Giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao nhưng giá bán tăng không bù được.
- Sản lượng tiêu thụ phụ thuộc vào việc tiêu thụ xi măng của các nhà sản xuất.
- Sản xuất nhiều chủng loại vỏ bao nên ảnh hưởng đến năng suất cũng như tiêu hao nguyên vật liệu.
- Giá thành sản xuất còn cao do năng suất lao động còn thấp chưa phát huy hết công suất dây chuyền sản xuất và tiêu hao còn cao đặc biệt tiêu hao điện, nhựa tráng mành, mực in . . .
- Chất lượng vỏ bao sản xuất một số lô chưa đáp ứng được yêu cầu khách hàng, quá trình kiểm soát chất lượng vỏ bao chưa tốt.

c) Sản xuất - kinh doanh gạch tuynel :

Sản lượng tiêu thụ năm 2018 thực hiện 44,231 triệu viên đạt 89,14% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 102,86 % so với NQ năm 2018.

- **Nguyên nhân sản lượng giảm so cùng kỳ năm 2017 :**

- Gạch nung An Hòa, Lai Nghi giảm mạnh do thị trường tiêu thụ chính (TP Đà Nẵng, Quảng Nam) chịu cạnh tranh gay gắt gạch từ Kontom, Huế đưa về Đà Nẵng, Quảng Nam nhiều và thêm nhà máy Gạch Thành An mới đưa vào hoạt động tại Duy xuyên, giá bán liên tục giảm và thường thấp hơn gạch nung Công ty bán tại Đà Nẵng và Quảng Nam từ 20-30 đồng/viên.
- Công trình xây dựng tại Đà Nẵng và Quảng Nam giảm mạnh so với năm 2017 do năm 2017 Đà nẵng có các công trình lớn xây dựng phục vụ cho APEC.

- **Một số tồn tại trong sản xuất và kinh doanh gạch Tuynel.**

- Do tiêu thụ gạch những năm trước thuận lợi nên việc chăm sóc thị trường và khách hàng bị bỏ ngõ nên một số khách hàng lớn đã quay lưng lại với công ty.
- Quản lý thương vụ gạch chưa được quan tâm đúng mực.
- Công nghệ, dây chuyền thiết bị sản gạch cũ lạc hậu và năng suất thấp nên giá thành sản xuất gạch cao.
- Nguồn nguyên liệu khó khăn, không ổn định do công ty không có mỏ phải mua trôi nổi vì vậy giá nguyên liệu cao, chất lượng không đồng đều và khan hiếm.

4. Tình hình lao động, tiền lương, BHXH

- Năm 2018 tổng số lao động Công ty tại thời điểm 31/12/2018 là: 300 người, trong đó: Lao động quản lý: 04 người. Lao động tuyển mới trong năm 12 người; Lao động chấm dứt HĐLĐ, nghỉ hưu: 13 người; Lao động sử dụng bình quân năm: 307 người. Theo kế hoạch sử dụng lao động năm 2018 là 311 người, số lao động dự kiến tuyển trong năm là 12 người, thực hiện năm 2018 Công ty tuyển 12 lao động. Tất cả người lao động làm việc tại Công ty đều được ký Hợp đồng lao động

- Tổng quỹ tiền lương toàn Công ty năm 2018: 27.516.000.000 đồng, trong đó: Quỹ tiền lương cán bộ quản lý là: 1.224.000.000 đồng, Quỹ tiền lương người lao động: 26.292.000.000 đồng. Tiền lương thực hiện bình quân năm 2018 đạt 7,469 triệu đồng/người/tháng.
- Năm 2018 Công ty thực hiện chi trả tiền lương cho người lao động theo quy chế trả lương của Công ty và thực hiện trích nộp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động đúng quy định của Nhà nước.

5. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư :

- Năm 2018 Công ty đang triển khai xin cấp phép mỏ đất sét Hốc Lầy tại Xã Duy Thu – Huyện Duy Xuyên – Tỉnh Quảng Nam làm nguyên liệu cho sản xuất gạch tuynel. Công ty đã tiến hành làm việc với các sở ban ngành địa phương hoàn thiện thủ tục cấp giấy phép thăm dò.

6. Công tác tổ chức và quản lý:

6.1 Công tác tổ chức và cán bộ:

- Giám đốc Công ty trình HĐQT ban hành quyết định số 1542/QĐ-HĐQT ngày 18/10/2018 về việc ban hành Quy chế phân cấp quản lý, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại điều động, luân chuyển, quy hoạch, đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý. Trong năm 2018 Công ty thực hiện đánh giá bổ nhiệm lại 07 cán bộ cấp Trưởng phó phòng tương theo đúng quy định tại Quy chế.
- Kiện toàn cơ cấu tổ chức và sắp xếp lao động lĩnh vực bán hàng, theo mô hình tổ chức mới Công ty chỉ có Phòng bán hàng, giải thể Xí nghiệp kinh doanh xi măng VLXD Đà Nẵng. Trình Hội đồng quản trị Công ty phương án giải thể Xí nghiệp kinh doanh xi măng VLXD Đà Nẵng kể từ 01/1/2019, thực hiện sắp xếp lại, điều động lao động Xí nghiệp kinh doanh về Phòng bán hàng.

6.1 Quản lý tài sản, đất đai:

- Hiện nay Công ty có 03 khu đất đã hết thời hạn thuê gồm: Khu đất số 15 Lê Hồng Phong, TP. Đà Nẵng diện tích 3.107,6 m2 (Trụ sở chính VP làm việc của Công ty); Khu đất số 255 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng diện tích 1.041 m2; Khu đất Phường Vĩnh Trường – TP. Nha Trang Tỉnh Khánh Hòa. Trong năm 2018 cả 03 khu đất này chính quyền địa phương đã ban hành quyết định thu hồi đất.
- Tài sản tại 255 Phan Châu Trinh: Công ty đã tiến hành thanh lý và bàn giao mặt bằng tại 255 Phan Châu Trinh cho UBND TP. Đà Nẵng. Hiện Công ty đang làm việc với các cấp chính quyền TP Đà Nẵng để thống nhất các khoản hỗ trợ liên quan đến thu hồi đất theo quy định của pháp luật;
- Tài sản khu kho tại Nha Trang: Công ty đã làm việc với các cấp chính quyền Tỉnh Khánh Hòa thống nhất thời gian thanh lý tài sản kho Nha Trang và bàn giao mặt bằng, hiện đang tiến hành làm thủ tục thẩm định tài sản để thanh lý.

6.2. Tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn

- Tại thời điểm 31/12/2017 vốn điều lệ của Công ty là 99 tỷ đồng, trong đó vốn nhà nước: 65,147 tỷ đồng, chiếm 65,81% vốn điều lệ.
- Đầu năm 2018 vốn chủ sở hữu: 122,489 tỷ đồng, tại thời điểm 31/12/2018 vốn chủ sở hữu: 117,124 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu giảm là do năm 2018 đã hạch toán chuyển nguồn phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 gồm:
    + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 2.400.000.000 đồng;
    + Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành: 147.000.000 đồng;

+ Trích phải trả cổ tức năm 2017 : 2.970.000.000 đồng .

6.3. Tình hình quản lý nợ phải thu

- Tổng dư nợ phải thu thời điểm 31/12/2018 là: 74,392 tỷ đồng.

  Trong đó:

  + Phải thu ngắn hạn của khách hàng là: 79,791 tỷ đồng
  + Các khoản phải thu khác là: 0,835 tỷ đồng.
  + Ứng trước cho người bán: 0,893 tỷ đồng.
  + Phải thu quá hạn là: 15,000 tỷ đồng
  + Phải thu khó đòi là: 9,180 tỷ đồng.
  + Nợ không có khả năng thu hồi: 7,134 tỷ đồng
  + Đã trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi là: 7,126 tỷ đồng
- Tổng dư nợ phải thu thời điểm cuối năm giảm so với đầu năm 0,518 tỷ đồng, phân tích nguyên nhân: Nợ bán hàng tăng: 3,263 tỷ, nợ phải thu khác giảm 3,707 tỷ đồng.
- Nợ phải thu khó đòi so với đầu năm không tăng không giảm .

6.4. Tình hình và khả năng thanh toán nợ

- Nợ vay: Không có
- Nợ phải trả thời điểm 31/12/2018 là 43,512 tỷ đồng. Bao gồm:
  + Nợ phải trả ngắn hạn là 43,512 tỷ đồng, trong đó: Phải trả người bán là 29,785 tỷ đồng, thuế và các khoản phải nộp nhà nước là 0,643 tỷ đồng, phải trả người lao động là 6,048 tỷ đồng, chi phí phải trả ngắn hạn là 0,380 tỷ đồng, phải trả ngắn hạn khác là 4,120 tỷ đồng
  + Nợ phải trả dài hạn: khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn là 0 đồng.
- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán :
  + Hệ số thanh toán ngắn hạn : 3,25 lần so với năm 2017: 3,37 lần
  + Hệ số thanh toán nhanh : 2,44 lần so với năm 2017: 2,74 lần
- Chỉ số về năng lực hoạt động:
  + Doanh thu thuần trên tổng TS: 2,05 so với 1,81 (2017)
- Chỉ tiêu khả năng sinh lời :
  + Hệ số LN sau thuế /Doanh thu thuần: 0,0005 so với cùng kỳ 0,02
  + Hệ số LN sau thuế /vốn chủ sở hữu: 0,0013 so với cùng kỳ 0,05

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, BIỆN PHÁP THỰC HIỆN KH SXKD NĂM 2019

I. Đặc điểm tình hình

Trong năm 2019, Công ty triển khai nhiệm vụ SXKD với tình hình, đặc điểm như sau:

- Năm 2018, tốc độ tăng trưởng kinh tế đất nước tiếp tục ổn định và duy trì ở mức cao, nền tảng kinh tế vĩ mô dần được cải thiện sẽ là cơ sở để duy trì tốc độ tăng trưởng cho năm 2019.

- Giá vật tư đầu vào như hạt nhựa, than, điện năng, đất sét, xăng dầu,...còn tiếp tục biến động.

- Thị trường xi măng nội địa đặc biệt tại khu vực Miền Trung và Tây Nguyên nguồn cung" tiếp tục vượt cao hơn "cầu"; do các Nhà máy xi măng tăng cường xây dựng các trạm trung chuyển xi măng và đóng bao tại các Tỉnh Miền Trung, do đó cạnh tranh sẽ càng quyết liệt hơn.

- Dự báo tình hình thời tiết sẽ diễn biến khó lường tiếp tục ảnh hưởng việc thực hiện nhiệm vụ SXKD trong năm 2019.

II. Kế hoạch kinh doanh

1. Mục tiêu tài chính:

Nội dung	Kế hoạch 2019
Doanh thu (tỷ đồng)	427,967
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	3,051
Nộp ngân sách (tỷ đồng)	7,237
EBITDA (tỷ đồng)	6.679
Tỷ lệ cổ tức (bằng tiền) %	2,5
R.O.E (Tỷ suất LN/Vốn CSH) %	2,03
R.O.A (Tỷ suất LN/ tổng tài sản) %	1,48

2. Mục tiêu sản lượng 2018:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2019
1	Xi măng kinh doanh	Tấn	225.000
2	Sản xuất, tiêu thụ Vỏ bao xi măng	1.000c	22.500
3	Sản xuất, tiêu thụ Gạch nung	1.000v	45.500

3. Nội dung, biện pháp chủ yếu để thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2019:

3.1. Công tác thị trường

- Tiếp tục sắp xếp tổ chức lại đội ngũ bán hàng xi măng và gạch tinh gọn và hiệu quả.
- Bám sát thị trường, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm ngay từ những tháng đầu, quý đầu của năm; năng động sáng tạo trong công tác bán hàng đảm bảo tiêu thụ sản phẩm theo mục tiêu kế hoạch năm 2019 đề ra.
- Phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa khâu bán hàng và các khâu khác như: Vận tải, lưu kho dự trữ, giao hàng để hoạt động bán hàng được thông suốt, không bị gián đoạn, đứt hàng vào mùa mưa. Đặc biệt cân đối lượng hàng về kho và đi thẳng để đảm hiệu quả cao.
- Xây dựng các phương thức vận chuyển hàng hoá và tìm kiếm các đối tác khai thác vận chuyển đường bộ, đường sắt, đường thuỷ tối ưu để giảm giá vốn và đảm bảo cung ứng kịp thời thị trường.
- Tập trung đẩy mạnh tiêu thụ xi măng Hoàng Thạch tại Miền Trung (chiến lược của Vicem).
- Trong năm 2019 cần phải thay đổi cách thức bán gạch so với những năm trước, chủ động tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường vì trong giai đoạn hiện nay lượng cung gạch tại thị trường Quảng Nam- Đà Nẵng tăng cao so với cầu, mở rộng tiêu thụ sang kênh công trình xây dựng cơ bản. Chính sách bán hàng phải linh hoạt đối với từng đối tượng khách hàng.
- Đối với tiêu thụ vỏ bao, chủ động bám sát các hợp đồng đã ký, tìm kiếm khách hàng mới để phát huy hết công suất thiết dây chuyền sản xuất vỏ bao.
- Thực hiện tốt dịch vụ bán hàng và sau bán hàng.

3.2. Công tác sản xuất.

- Tổ chức sắp xếp bố trí lao động linh hoạt tại xí nghiệp vỏ bao để tăng năng suất lao động.
- Xây dựng kế hoạch sản xuất vỏ bao hợp lý để đảm bảo thiết bị chạy liên tục ổn định giảm tiêu hao.
- Ban hành, sửa đổi quy chế quy định trong quản sản xuất, quy trình xuất gạch cho khách hàng tại nhà máy và xí nghiệp.
- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát trong sản xuất để sản phẩm sản xuất phải đạt chất lượng theo yêu cầu của khách hàng giảm thiểu phế phẩm.
- Tăng cường công tác kiểm tra vật tư phụ tùng và nguyên vật liệu đầu vào.
- Kiểm soát chặt chẽ tiêu hao nguyên vật liệu, vật tư phụ tùng, năng lượng, chi phí sản xuất tại các xí nghiệp và nhà máy.
- Cải tiến máy móc thiết bị, cơ giới hóa trong sản xuất gạch nhằm giảm lao động thủ công, nâng cao năng suất lao động tại 2 Nhà máy gạch (Trang bị xe đào và xe nâng cho xí nghiệp lai nghi và nhà máy gạch An Hoà).
- Nghiên cứu sử dụng nguyên liệu, phụ gia thay thế như: xỉ, đất đồi trong sản xuất gạch và nguyên liệu nhựa, giấy trong nước cho sản xuất vỏ bao,…
- Thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng định kỳ; có kế hoạch mua sắm vật tư, nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế nhằm chủ động và ổn định sản xuất; đảm bảo công tác BHLĐ-PCCN không để tai nạn lao động hoặc cháy nổ xảy ra.
- Trả lương tại các đơn vị sản xuất phải gắn với năng suất và chất lượng sản lượng sản xuất ra.
- Cung ứng hàng kịp thời cho khách hàng và có dự trữ hợp lý.

3.3. Công tác cung ứng vật tư nguyên vật liệu:

- Cung ứng vật tư phụ tùng, nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất kịp thời đảm bảo chất lượng và số lượng.
- Nắm bắt kịp thời thông tin về giá cả thị trường để kịp thời có kế hoạch mua hàng hợp lý để giá mua tối ưu.
- Tiếp tục tìm kiếm các nhà cung ứng vật tư nguyên vật liệu ổn định, đảm bảo chất lượng và giá cạnh tranh. Đặc biệt là nguồn đất sét tại địa phương để đảm bảo ổn định cho Xí nghiệp gach Lai Nghi và nhà máy An Hoà và dự trữ tối thiểu một năm sản xuất.

3.4. Công tác khác

- Phối hợp chặt chẽ với các Sở ban ngành của Tỉnh Quảng Nam xúc tiến nhanh việc cấp phép mỏ đất sét Hóc Lầy – xã Duy Thu, huyện Duy Xuyên, Quảng Nam để ổn định nguồn nguyên liệu cho 02 Nhà máy sản xuất gạch.
- Xây dựng kế hoạch làm trụ sở làm việc mới của Công ty tại xí nghiệp vỏ bao khi thực hiện bàn giao 15 Lê Hồng Phong.
- Tiếp tục triển khai hoàn thiện thủ tục bàn giao kho tại Thành phố Nha Trang cho Tỉnh Khánh Hoà.
- Tăng cường giáo dục, tuyên truyền người lao động về công tác an toàn-vệ sinh lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt; không để xảy ra thiệt hại về người và tài sản trong doanh nghiệp.
- Công đoàn cùng chính quyền phối hợp chặt chẽ, tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các phong trào thi đua trong toàn Công ty với mục tiêu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đề ra năm 2019.

Nhiệm vụ của năm 2019 rất nặng nề, không ít khó khăn, thách thức đang ở phía trước. Ban điều hành sẽ tranh thủ thuận lợi, khắc phục khó khăn bám sát chủ trương định hướng và sự chỉ đạo kịp thời từ HĐQT triển khai đồng bộ các giải pháp đã đề ra, quyết tâm và nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt mục tiêu nhiệm vụ năm 2019.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY
(Đã ký)

Trần Văn Khôi

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM - VICEM **CÔNG TY CP VICEM VLXD ĐÀ NẴNG** Số /BC/DXV-HĐQT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Đà Nẵng, ngày tháng năm 2019*

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Kính thưa: Quý vị Cổ đông.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội cổ đông kết quả thực hiện nhiệm vụ quyền hạn năm 2018; Phương hướng nhiệm vụ và giải pháp thực hiện năm 2019 như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện NQ đại hội cổ đông năm 2018 như sau:

Trước bối cảnh có nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị Công ty đã phân tích, đánh giá những cơ hội, thách thức, trên cơ sở đó đề ra nhiều biện pháp và định hướng trong lãnh đạo, quản lý và điều hành; theo dõi sát sao hoạt động sản xuất kinh doanh giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2018.

1. Các chỉ tiêu chính về thực hiện kế hoạch năm 2018:

TT	Nội dung	ĐVT	NQ năm 2018	Thực hiện năm 2018	Thực hiện 2018 so với NQ (%)
1	Sản lượng tiêu thụ				
-	Xi măng kinh doanh	Tấn	200.000	171.192	85,60%
-	Vỏ bao	1.000c	20.000	17.250	86,25%
-	Gạch nung	1.000v (QTC)	43.000	44.231	102,86%
2	Doanh thu	Tr.đ	394.618	334.931	84,87%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	7.500	228	3,04%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	5.850	151	2,58%
5	Nộp ngân sách	Tr.đ	10.144	7.479	73,73%
6	Chia cổ tức	%	≥3	0	
7	Tiền lương bình quân	Tr.đ/ng/th	7,90	7,47	94,56%

2. Về công tác đầu tư phát triển và sửa chữa lớn:

- Năm 2018 Công ty đang triển khai xin cấp phép mỏ đất sét Hốc Lầy tại Xã Duy Thu – Huyện Duy Xuyên – Tỉnh Quảng Nam làm nguyên liệu cho sản xuất gạch tuynel. Huyện Duy Xuyên đã có Tờ trình UBND Tỉnh Quảng phê duyệt cấp giấy phép thăm dò.

- HĐQT thông qua chủ trương để Công ty đầu tư trang bị máy móc thiết bị cơ giới hóa trong sản xuất gạch tuynel nhằm nâng cao năng suất lao động.

3. Về công tác quản lý và một số mặt công tác khác:

- Với quyền hạn, nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty; căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và tình hình thực tế của Công ty, năm 2018 Hội đồng quản trị đã tổ chức nhiều cuộc họp bàn những vấn đề quan trọng để tập trung chỉ đạo, ra các Nghị quyết, Quyết định kịp thời phục vụ công tác tổ chức, sản xuất kinh doanh và các mặt công tác khác.

- Hội đồng quản trị đã bám sát Nghị quyết mà ĐHCĐ giao để triểu khai các nhiệm vụ đề ra các giải pháp về SXKD. Trong năm Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các phiên họp thường kỳ về SXKD mỗi quý mỗi lần để triển khai Nghị quyết ĐHCĐ năm 2018. Tại các kỳ họp các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ. Nội dung các phiên họp định kỳ đánh giá kết quả thực hiện NQĐHCĐ thường niên 2018 và NQHĐQT quý trước đồng thời đề ra mục tiêu nhiệm vụ quý tới.

- Từ sau ĐHCĐ thường niên 2018 đến nay HĐQT đã ban hành các 13 Nghị quyết, Quyết định về các chỉ tiêu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, cơ cấu tổ chức, nhân sự chủ chốt Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định gồm:

Stt	Số Nghị quyết/QĐ	Ngày	Nội dung
1	773/NQ-HĐQT	23/4/2018	Bầu Ông Doãn Nam Khánh làm Chủ tịch HĐQT Công ty.
2	783/QĐ-DXV	24/4/2018	Quyết định miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty đối với Ông Nguyễn Hòa Nam.
3	784/QĐ-DXV	24/4/2018	Quyết định bổ nhiệm Ông Trần Văn Khôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty.
4	942/DXV-HĐQT	31/5/2018	Đánh giá tình hình thực hiện SXKD 5 tháng đầu năm 2018 và rà soát tình hình quản lý, sử dụng tài sản, đất đai.
5	1019/NQ-HĐQT	18/6/2018	Nghị quyết HĐQT thông qua và chấp thuận để Giám đốc Công ty ký kết hợp đồng tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường với VICEM.
6	1169/NQ-HĐQT	25/7/2018	Nghị quyết phiên họp HĐQT Quý III/2018.
7	1170/QĐ-HĐQT	26/7/2018	Quyết định bổ nhiệm Người phụ trách quản trị.
8	1171/QĐ-HĐQT	26/7/2018	Nghị quyết phân công thành viên HĐQT quản lý, theo dõi, giám sát hoạt động của Công ty.
9	1541/NQ-HĐQT	18/10/2018	Nghị quyết phiên họp HĐQT Quý IV/2018
10	1888/NQ-HĐQT	25/12/2018	Nghị quyết về việc chốt danh sách cổ đông trả cổ tức năm 2017.
11	1937/NQ-HĐQT	28/12/2018	Nghị quyết về việc chấm dứt hoạt động Xí nghiệp kinh doanh xi măng vật liệu xây dựng Đà Nẵng - Công ty Cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng

Stt	Số Nghị quyết/QĐ	Ngày	Nội dung
12	189/NQ-HĐQT	30/1/2019	Nghị quyết phiên họp HĐQT Quý I/2019
13	112/NQ-HĐQT	22/2/2019	Nghị quyết về ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHCĐ thường niên 2019

Nhình chung, sau ĐHĐCĐ thường niên 2018 HĐQT Công ty đã nghiêm túc triển khai Nghị quyết Đại hội, thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật áp dụng đối với Công ty niêm yết; lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán An Việt kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018; thực hiện các giải pháp để hoàn thành nhiệm vụ như ban hành các nghị quyết, quyết định quan trọng cũng như các chủ trương, giải pháp trong hoạt động SXKD của Công ty; chỉ đạo công tác lập báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và báo cáo cho năm tài chính năm 2018.

4. Về công tác tổ chức và cán bộ, tái cơ cấu:

- Ngay sau Đại hội cổ đông thường niên 2018, HĐQT họp bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ (2019-2022), phân công lại nhiệm vụ các thành viên HĐQT, Bổ nhiệm Giám đốc điều hành Công ty.

- Thực hiện kiện toàn cơ cấu tổ chức và sắp xếp lao động lĩnh vực bán hàng, ban hành Nghị quyết HĐQT về việc giải thể Xí nghiệp xinh doanh xi măng Đà Nẵng có trụ sở tại 255 Phan Chu Trinh kể từ 01/1/2019, sáp nhập chức năng nhiệm vụ Xí nghiệp kinh doanh về Phòng bán hàng Công ty.

5. Về chi trả cổ tức năm 2017:

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 23/4/2018 việc chi trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông tỷ lệ 3%/vốn điều lệ Công ty. HĐQT họp thống nhất về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2017 cho cổ đông là ngày 12/10/2018, ngày thanh toán cho cổ đông là này 23/10/2018 theo đúng quy định trong trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Đại hội cổ đông thông qua. Tuy nhiên, ngày 04/10/2018 Công ty nhận được Văn bản số 1698/SGDCKHCM-NY của Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh về nguồn tiền trả cổ tức năm 2017 bằng tiền không đảm bảo, theo đó căn cứ báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2018 số dư cuối kỳ tại ngày 30/6/2018 của khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối âm 701.118.498 VNĐ (do kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng năm 2018 Công ty lỗ). Tại thời điểm 30/9/2018 kết quả sản xuất kinh doanh Quý 3/2018 đã được Công ty TNHH kiểm toán An Việt kiểm toán báo cáo tài chính, Công ty đã đảm bảo nguồn tiền chi trả cổ tức. Ngày 25/12/2018 Hội đồng quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 1888/NQ-HĐQT về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chi trả cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 3%/VĐL năm 2017 là ngày 09/1/2019 và ngày thanh toán cổ tức là ngày 21/1/2019, đến nay đã hoàn tất việc chi trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông theo NQĐHCĐ.

II. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 2018:

1. Ưu điểm:

- Hội đồng quản trị cơ bản thống nhất với báo cáo của Ban điều hành trình Đại hội cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, mặc dù công tác tiêu thụ gặp nhiều khó khăn, một số chỉ tiêu không đạt Nghị quyết Đại hội cổ đông giao, nhưng Ban Giám đốc cùng tập thể người lao động đã cố gắng nỗ lực trong lao động sản xuất đạt được mức tăng trưởng về sản lượng so với năm 2017 như: Sản lượng xi măng

tiêu thụ tăng 16,51% so với cùng kỳ, sản lượng vỏ bao sản xuất và tiêu thụ tăng 41,16% so với cùng kỳ, sản lượng gạch sản xuất và tiêu vượt kế hoạch đề ra; ổn định việc làm và đảm bảo đời sống thu nhập cho người lao động.

- Trong năm qua Ban điều hành đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh một các đầy đủ, minh bạch đúng quy định của pháp luật áp dụng đối với Công ty niêm yết.

2. Nhược điểm, tồn tại, hạn chế:

- Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên còn một số chỉ tiêu chủ yếu về sản xuất kinh doanh chưa đạt kế hoạch đề ra, lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh giảm mạnh so với cùng kỳ và NQĐHCĐ đề ra, tình hình công nợ phải thu vẫn còn dư nợ ở mức cao, nợ quá hạn, nợ khó đòi giảm chưa đáng kể, công tác thu hồi công nợ còn chậm; tiêu thụ gạch tuynel còn nhiều hạn chế do công tác thị trường chưa tốt, lượng gạch tồn kho nhiều; chưa phát huy hết công suất của dây chuyền sản xuất vỏ bao.

- Số liệu thống kê báo cáo phục vụ cho công tác quản trị điều hành chưa được kịp thời, còn sai lệch.

- Công tác kiện toàn sắp xếp nhân sự đã được triển khai nhưng vẫn chưa theo kịp yêu cầu và xu thế phát triển

III. Phương hướng nhiệm vụ năm 2019

Phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại, Hội đồng quản trị công ty tập trung chỉ đạo để thực hiện một số mục tiêu và nhiệm vụ cơ bản năm 2019 như sau:

1. Về các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

TT	Danh mục	ĐVT	Kế hoạch năm 2019
1	Sản lượng sản xuất tiêu thụ		
-	Xi măng kinh doanh	Tấn	225.000
-	Vỏ bao xi măng	1.000 cái	22.500
-	Gạch nung	1.000 viên	45.500
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	427.967
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	3.051
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.380
5	Nộp ngân sách	Tr.đ	7.237
6	Cổ tức	%	2,5
7	NSLĐ bình quân	Tr.đ/ng/th	107,10
8	Tiền lương bình quân	Tr.đ/ng/th	8,10

Để đạt được kế hoạch mục tiêu trên trong năm 2019 cần tập trung vào các giải pháp trong tâm sau đây:

- Thường xuyên duy trì họp HĐQT theo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, đề ra những Nghị quyết nhằm triển

khai thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2019 thông qua.

- Đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty được Đại hội cổ đông thông qua. Thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban điều hành và cán bộ quản lý khác nhằm nâng cao quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công tác quản lý, điều hành SXKD cần bám sát Nghị quyết Đảng ủy, Nghị quyết HĐQT, đồng thời trong công tác điều hành phải hành cần phải quyết liệt, xử lý nhanh, linh hoạt và có các giải pháp thích ứng điều chỉnh ứng biến với những biến động của thị thường: giá mua nguyên vật liệu và giá bán.

- Tiếp tục rà soát hệ thống quy chế, quy định, tiến hành sửa đổi bổ sung đảm bảo các quy định pháp luật hiện hành đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

- Trong bối cảnh thị trường khó khăn, cạnh tranh quyết liệt, giá bán sản phẩm không tăng. Công tác thị trường tiêu thụ sản phẩm phải đặc biệt chú trọng, cần tăng cường quan hệ với khách hàng, đẩy mạnh hoạt động chăm sóc khách hàng; xây dựng củng cố lại hệ thống bạn hàng, hệ thống nhà phân phối.

- Kiểm soát chặt chẽ công nợ, công nợ phải đảm bảo nguyên tắc an toàn tài chính, đặc biệt kiểm soát công nợ phải thu, lưu ý nợ khó đòi, nợ quá hạn, cần phải đôn đốc, tìm cách thu hồi công nợ đưa công nợ phải thu tiến tới đưa mức dư nợ tiệm cận về mức dưới 10% doanh thu. Trong năm 2019 không để phát sinh nợ khó đòi phải trích lập dự phòng, đối với công nợ trên 1 tỷ phải có bảo lãnh, có các xử lý cụ thể đối với từng đối tượng khách hàng nợ, đối với công nợ phải thu của khách hàng không còn giao dịch, hoàn tất hồ sơ khởi kiện ra tòa để tránh tẩu tán tài sản trốn nợ.

- Chính sách chiết khấu bán hàng trên cơ sở sản lượng, thanh toán công nợ, linh hoạt theo từng địa bàn, mỗi đối tượng khách hàng có chính sách khác nhau, chính sách chiết khấu đối với xi măng phải cân bằng được nguồn nhận chiết khấu và chiết khấu lại cho khách hàng không để Công ty phải bỏ thêm chi phí bù chiết khấu.

2. Về công tác tổ chức và cán bộ:

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp bố trí lại lao động toàn Công ty đảm bảo bộ máy làm việc tinh gọn, năng suất, đặc biệt là nhân sự tại Phòng bán hàng, bộ phận vận tải với mục đích cuối cùng là nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, đảm bảo hiệu quả và đáp ứng được yêu cầu phát triển thị trường.

- Các nhiệm vụ, giải pháp các đơn vị đưa ra trong sản xuất kinh doanh phải có tiến độ thực hiện cụ thể để có cơ sở đánh giá cán bộ xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ cuối năm.

3. Một số mặt công tác khác:

- Đối với việc xin cấp phép mỏ đất sét Hốc Lầy và các chính sách hỗ trợ tại 255 Phan Châu Trinh cần phải bám sát các cơ quan ban ngành địa phương để trong năm 2019 Công ty được cấp giấy phép thăm dò mỏ đất sét Hốc Lầy và nhận được các khoản hỗ trợ bàn giao khu đất tại 255 Phan Châu Trinh cho UBND TP Đà Nẵng.

Kính thưa Quý vị Cổ đông!

Năm 2019 đã đi qua 1/4 thời gian, khó khăn thử thách vẫn còn trước mắt đặc biệt về thị trường tiêu thụ. Để vượt qua khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ hôm nay giao, HĐQT- Ban điều hành và toàn thể người lao động của Công ty quyết tâm tranh thủ thuận lợi, vượt qua khó khăn thực hiện tốt các mục tiêu và giải pháp đã đề ra.

Kính mong các Quý vị Cổ đông với trí tuệ và tinh thần trách nhiệm cao nhất hãy đóng góp những ý kiến quý báu cho sự thành công tại Đại hội, cũng như góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đưa Công ty vượt qua khó khăn trước mắt để tiếp tục phát triển.

Xin trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch
(Đã ký)

Doãn Nam Khánh

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM - VICEM **CÔNG TY CP VICEM VLXD ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số /BC/DXV-BKS	*Đà Nẵng, ngày tháng năm 2019*

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Vicem VLXD Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Công ty).
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.
- Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2018.

Thay mặt Ban Kiểm soát, tôi xin báo cáo Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong năm 2018 của Công ty Cổ phần Vicem VLXD Đà nẵng, như sau:

I.HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Năm 2018 Ban kiểm soát đã triển khai, thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, cụ thể:

1.Các công tác đã thực hiện năm 2018 :

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật và việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc của Công ty, cụ thể :

-Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

-Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc .

-Tham gia một số ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

-Thẩm tra các báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm 2018 nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra.

-Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin theo quy định của pháp luật .

2.Các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

-BKS hiện có 03 người trong đó có 01 thành viên chuyên trách, đáp ứng cơ cấu theo quy định pháp luật và điều lệ Công ty. Năm 2018 BKS đã tổ chức 02 cuộc họp định kỳ, đồng thời thường xuyên trao đổi, thảo luận, thông qua các nội dung

thuộc chức năng nhiệm vụ được giao nhằm triển khai hiệu quả kế hoạch công tác năm và đánh giá kết quả thực hiện định kỳ hàng quý,… . Các thành viên BKS đã tích cực triển khai và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

- BKS thường xuyên theo dõi, giám sát và cập nhật kịp thời danh sách cổ đông lớn, người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc của Công ty.

3. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, Ban Điều hành và cán bộ quản lý khác của Công ty luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, của Công ty và vì lợi ích chung của Công ty. HĐQT, Ban Điều hành tạo điều kiện thuận lợi cho BKS thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ. Các phiên họp định kỳ của HĐQT, giao ban của Công ty đều có sự tham dự của Đại diện BKS. Các khuyến nghị, đề xuất của BKS đều được HĐQT, Ban Điều hành xem xét, chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Trong các phiên họp, các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ và làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các Nghị quyết, Quyết định kịp thời để chỉ đạo kinh doanh theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định đã ban hành trong năm 2018 như sau:

-Nghị quyết về việc tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

-Nghị quyết về Bầu Ông Doãn Nam Khánh làm Chủ tịch HĐQT Công ty.

-Quyết định miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty đối với Ông Nguyễn Hòa Nam.

-Quyết định bổ nhiệm Ông Trần Văn Khôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty.

-Đánh giá tình hình thực hiện SXKD 5 tháng đầu năm 2018 và rà soát tình hình quản lý, sử dụng tài sản, đất đai.

- Nghị quyết HĐQT thông qua và chấp thuận để Giám đốc Công ty ký kết hợp đồng tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường với VICEM.

-Quyết định bổ nhiệm Người phụ trách quản trị.

-Nghị quyết phân công thành viên HĐQT quản lý, theo dõi, giám sát hoạt động của Công ty.

-Nghị quyết phiên họp HĐQT Quý IV/2018

-Nghị quyết về việc chốt danh sách cổ đông trả cổ tức năm 2017.

-Nghị quyết về việc chấm dứt hoạt động Xí nghiệp kinh doanh xi măng vật liệu xây dựng Đà Nẵng - Công ty Cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Về thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh :

Báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán An Việt, là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết.

Báo cáo tài chính năm 2018 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các số liệu về vốn và tài sản tại thời điểm 31/12/2018 và kết quả kinh doanh của Công ty năm 2018, như sau:

- *Về vốn và tài sản :*

Đvt: tr đồng

TT	Nội dung	31/12/2018	31/12/2017
A	**Tài sản**	**160.636**	**164.955**
1	**Tài sản ngắn hạn**	**141.276**	**142.288**
	Trong đó :		
	Tiền và các khoản tương đương tiền	10.319	40.332
	Đầu tư tài chính ngắn hạn	21.000	
	Các khoản phải thu	74.392	74.910
	Hàng tồn kho	35.169	26.777
2	**Tài sản dài hạn**	**19.360**	**22.667**
	Trong đó :		
	Tài sản cố định	18.001	21.235
	Tài sản dài hạn khác	935	909
B	**Nguồn vốn**	**160.636**	**164.955**
1	**Nợ phải trả**	**43.512**	**42.465**
	Trong đó :		
	Nợ ngắn hạn	43.512	42.224
	Nợ dài hạn	0	241
2	**Nguồn vốn chủ sở hữu**	**117.124**	**122.490**
	Trong đó :		
	Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu	99.000	99.000
	Quỹ đầu tư phát triển	16.867	16.867

- *Về kết quả HĐKD:*

TT	Nội dung	31/12/2018	31/12/2017
1	Doanh thu thuần BH và cung cấp dịch vụ	329.158	297.922
2	Giá vốn hàng bán	312.779	272.618
3	Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	16.379	25.303
4	Doanh thu tài chính	1.279	1.591
5	Chi phí tài chính	79	68
6	Chi phí bán hàng	10.147	11.478
7	Chi phí quản lý	11.144	14.213
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.712)	1.135
9	Lợi nhuận khác	3.939	6.271
10	Tổng lợi nhuận trước thuế	228	7.406

2.So với nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018:

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2017	năm 2018		So sánh	
			KH NQ ĐHĐCĐ	Thực hiện	TH/KH	TH 2018/năm 2017
1	Doanh thu , TN khác	312.042	394.610	334.930	84,88	107,33
2	Lợi nhuận TT	7.406	7.500	228	3,03	3,07

Về doanh thu: Thực hiện năm 2018 chỉ đạt 84,88% kế hoạch NQ ĐHĐCĐ 2018, tăng 7,33% so với năm 2017.

Về lợi nhuận trước thuế: Thực hiện năm 2018 chỉ đạt 3,03% so với KH NQ ĐHĐCĐ năm 2018 và giảm 97% so với năm 2017.

Nguyên nhân chủ yếu:

-Về lĩnh vực kinh doanh xi măng:

Sản lượng tiêu thụ chỉ đạt 85,6% so với KH đề ra do thị trường tiêu thụ xi măng bị thu hẹp. Để đẩy mạnh tiêu thụ thì Công ty đã tăng mạnh chiết khấu cho khách hàng. Tuy nhiên, do lượng tiêu thụ không đạt được kế hoạch đề ra nên chiết khấu được hưởng từ các nhà máy giảm mạnh, đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh xi măng.

-Về lĩnh vực sản xuất vỏ bao:

Sản lượng tiêu thụ đạt 90% so với kế hoạch đề ra. Giá mua vào các nguyên vật liệu chính như Giấy (năm 2018 sử dụng giấy Nga nhiều) tăng so với kế hoạch.

-Về lĩnh vực sản xuất gạch:

Giá nguyên vật liệu sản xuất gạch như than, đất đều tăng mạnh, trong khi đó giá bán lại giảm so với kế hoạch đề ra do nhu cầu thị trường Đà Nẵng, Quảng Nam giảm, nhiều địa phương khác như Kontum, Quảng ngãi, và các tỉnh phía Bắc đẩy mạnh việc đưa gạch vào thị trường này với giá bán rẻ hơn.

2.Các chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính tại 31/12/2018 :

	Một số chỉ tiêu tài chính	Đvt	Năm 2018	Năm 2017
1	Cơ cấu tài sản :			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	87,95	86,26
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	12,05	13,74
2	Cơ cấu vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	27,09	25,74
	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	72,91	74,26
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	2,44	2,74
	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	3,25	3,37
4	Tỷ suất sinh lời			
	Lợi nhuận TT/Doanh thu thuần	%	0,07	2,49
	Lợi nhuận TT/Vốn chủ sở hữu	%	0,19	6,05

-Cơ cấu tài sản, nguồn vốn của Công ty không thay đổi lớn so với năm 2017. Chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn giảm từ 74,26% xuống còn 72,91% là do lợi nhuận năm 2018 giảm mạnh so với năm 2017.

-Khả năng thanh toán nhanh và khả năng thanh toán hiện hành tương đương với năm 2017 cho thấy tình hình tài chính của Công ty trong tình trạng tốt, có khả năng thanh toán tốt các nghĩa vụ đến hạn.

-Tỷ suất sinh lời giảm mạnh do lợi nhuận trước thuế năm 2018 giảm 97% so với năm 2017.

-Quản lý nợ phải thu khách hàng, dự phòng phải thu khó đòi: Tổng nợ phải thu khách hàng đến thời điểm 31/12/2018 là 79,790 tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ 2017. Các khoản nợ xấu đã được trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định.

IV.TRỌNG TÂM KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2019:

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công ty, BKS xác định trọng tâm công tác năm 2019 như sau:

-Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo các quy định của pháp luật và của Công ty (Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị của Công ty, Quy chế của Ban kiểm soát).

-Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019.

-Thẩm định báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2019 của Công ty.

-Nâng cao năng lực hoạt động của Ban kiểm soát.

-Quản lý, giám sát việc cập nhật danh sách những người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cổ đông lớn theo quy định pháp luật.

V. KIẾN NGHỊ :

1.Đề nghị Hội đồng quản trị, Ban giám đốc tiếp tục tăng cường các biện pháp để củng cố hệ thống bán hàng và đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm, tăng hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

2. Đề nghị Giám đốc Công ty tiếp tục hoàn thiện và đào tạo đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn và năng lực đáp ứng tốt các yêu cầu của công việc.

3.Về công nợ: Công ty cần đôn đốc khách hàng có công nợ tồn đọng quá hạn lâu ngày nhằm thu hồi vốn kinh doanh. Cần có sự phối hợp giữa các phòng ban nghiệp vụ để đối chiếu thu hồi công nợ khách hàng kịp thời.

4.Hàng tồn kho: Công ty cần đẩy mạnh hơn nữa việc tiêu thụ hàng tồn kho (nhất là sản phẩm gạch).

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát, đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Kính chúc quý vị sức khỏe

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp

Trân trọng cảm ơn.

TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hằng

CÔNG TY CỔ PHẦN **VICEM VLXD ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do- Hạnh phúc**
Số:..... -2019/TTr-HĐQT	*Đà Nẵng, ngày tháng năm 2019*

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP VICEM VLXD Đà Nẵng.

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng;*
- *Căn cứ kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng.*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt. Báo cáo tài chính năm 2018 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên Website của Công ty CP VICEM VLXD Đà Nẵng, bao gồm:

1. Báo cáo của kiểm toán viên
2. Bảng cân đối kế toán
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
5. Thuyết minh báo cáo tài chính

Chi tiết Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán được đính kèm Tờ trình này.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Doãn Nam Khánh

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu VT, HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đà Nẵng, tháng 02 năm 2019

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Doãn Nam Khánh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24/4/2018)
Ông Bùi Hồng Minh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24/4/2018)
Ông Trần Văn Khôi	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 24/4/2018)
Ông Nguyễn Hữu Vỹ	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 24/4/2018)
Ông Nguyễn Hoà Nam	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24/4/2018)
Ông Hồ Ngãi	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24/4/2018)
Ông Đinh Ngọc Châu	Ủy viên
Ông Lê Kế Tích	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Văn Khôi	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24/4/2018)
Ông Nguyễn Hoà Nam	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24/4/2018)
Ông Hồ Ngãi	Phó giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/03/2018)
Ông Lê Kế Tích	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG

Trần Văn Khôi
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2019

anviet
Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
W www.anvietcpa.com T (84-24) 6278 2904
E anviet@anvietcpa.com F (84-24) 6278 2905

*Số: **28** /2019/BCKT-AVI-TC1*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/02/2019, từ trang 05 đến trang 26 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN AN VIỆT

Nguyễn Thương
Phó Tổng Giám đốc
Số GCN ĐKHN kiểm toán 0308-2018-055-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Trần Minh Nguyệt
Kiểm toán viên
Số GCN ĐKHN kiểm toán 3412-2015-055-1

Partnering for **Success**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B01 - DN
Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**141.276.391.931**	**142.287.795.764**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5**	**10.318.581.466**	**40.331.876.405**
1.	Tiền	111		10.318.581.466	20.331.876.405
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**21.000.000.000**	**-**
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	21.000.000.000	-
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**74.392.176.852**	**74.909.505.460**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	79.790.687.356	76.528.086.599
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		892.524.062	4.600.281.544
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	835.423.579	907.595.462
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	14	(7.126.458.145)	(7.126.458.145)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**35.169.143.888**	**26.777.414.953**
1.	Hàng tồn kho	141	9	35.169.143.888	26.777.414.953
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**396.489.725**	**268.998.946**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	176.842.247	265.784.187
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		219.647.478	2.788.114
3.	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153	16	-	426.645
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**19.359.738.102**	**22.667.043.148**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**-**	**100.000.000**
1.	Phải thu dài hạn khác	216	8	-	100.000.000
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**18.001.302.832**	**21.234.935.107**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	13	18.001.302.832	21.234.935.107
	- Nguyên giá	*222*		*110.356.424.948*	*110.335.076.839*
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(92.355.122.116)*	*(89.100.141.732)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	*228*		*150.000.000*	*150.000.000*
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(150.000.000)*	*(150.000.000)*
III.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**423.408.658**	**423.408.658**
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		423.408.658	423.408.658
IV.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**935.026.612**	**908.699.383**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	10	935.026.612	908.699.383
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**160.636.130.033**	**164.954.838.912**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B01 - DN
Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**43.512.277.303**	**42.464.939.466**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**43.512.277.303**	**42.223.689.466**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	29.784.665.407	26.951.888.165
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.285.000	558.539.690
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	643.254.784	1.710.149.206
4.	Phải trả người lao động	314		6.048.054.650	9.602.446.895
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	11	380.478.722	864.110.308
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		229.806.817	171.818.181
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	12	4.120.488.238	2.154.091.807
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.302.243.685	210.645.214
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**-**	**241.250.000**
1.	Phải trả dài hạn khác	337	12	-	241.250.000
D -	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**117.123.852.730**	**122.489.899.446**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**17**	**117.123.852.730**	**122.489.899.446**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		99.000.000.000	99.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*99.000.000.000*	*99.000.000.000*
2.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		725.357.511	725.357.511
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		16.866.716.874	16.866.716.874
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		531.778.345	5.897.825.061
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	*421a*		*380.825.061*	-
	- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*150.953.284*	*5.897.825.061*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**160.636.130.033**	**164.954.838.912**

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Huỳnh Minh	Đinh Ngọc Châu	Trần Văn Khôi

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG
M.S.D.N: 0400101820 - C.T.C.P - Q. HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MẪU SỐ B02 - DN

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**		**337.931.730.636**	**303.970.169.441**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8.773.258.814	6.048.568.680
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**	**18**	**329.158.471.822**	**297.921.600.761**
4.	Giá vốn hàng bán	11	19	312.778.595.706	272.618.379.886
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**16.379.876.116**	**25.303.220.875**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.278.840.199	1.590.746.385
7.	Chi phí tài chính	22		78.707.600	67.680.000
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25	20	10.147.467.085	11.478.054.025
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	11.144.284.361	14.213.218.413
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**(3.711.742.731)**	**1.135.014.822**
11.	Thu nhập khác	31	22	4.493.242.673	12.530.561.890
12.	Chi phí khác	32	23	553.897.300	6.259.703.285
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**3.939.345.373**	**6.270.858.605**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**227.602.642**	**7.405.873.427**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	76.649.358	1.508.048.366
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**150.953.284**	**5.897.825.061**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**26**	**15**	**338**

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Huỳnh Minh	Đinh Ngọc Châu	Trần Văn Khôi

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG
M.S.D.N: 0400101820 C.T.C.P
Q. HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MẪU SỐ B03 - DN

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	**Lợi nhuận trước thuế**	**01**	**227.602.642**	**7.405.873.427**
2.	**Điều chỉnh cho các khoản**			
	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.482.723.184	3.683.173.450
	- Các khoản dự phòng	03	-	2.567.263.352
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.278.840.199)	(1.590.746.385)
3.	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**	**08**	**2.431.485.627**	**12.065.563.844**
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	626.086.250	(3.022.327.008)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(8.391.728.935)	566.443.162
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.853.457.958)	(22.547.217.745)
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	62.614.711	253.935.816
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(451.088.398)	(913.746.566)
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(455.401.529)	(119.354.786)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(10.031.490.232)**	**(13.716.703.283)**
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(35.454.545)	(73.027.636)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(21.000.000.000)	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.053.649.838	1.590.746.385
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(19.981.804.707)**	**1.517.718.749**
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**-**	**-**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(30.013.294.939)**	**(12.198.984.534)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**40.331.876.405**	**52.530.860.939**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**10.318.581.466**	**40.331.876.405**

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Huỳnh Minh	Đinh Ngọc Châu	Trần Văn Khôi

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001458 ngày 01/06/2007, Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 số 0400101820 ngày 27/04/2018.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 15 Lê Hồng Phong, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Công ty là 99.000.000.000 đồng, tương đương 9.900.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là DXV.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh xi măng, các sản phẩm từ xi măng và vật liệu xây dựng khác;
- Sản xuất vỏ bao xi măng, bao bì các loại;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vận tải đường sắt, đường bộ và đường thủy;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê nhà và văn phòng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Cấu trúc của Công ty bao gồm trụ sở chính số 15 Lê Hồng Phong, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng và các đơn vị trực pthuộc sau:

STT	Đơn vị	Địa chỉ
1.	Xí nghiệp Sản xuất Vỏ bao Xi măng Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
2.	Xí nghiệp Gạch Tuynel Lai Nghi	Khối 7B, phường Điện Nam Đông, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
3.	Nhà máy Gạch An Hòa	Thôn Mỹ Sơn, xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
4.	Xí nghiệp KD Xi măng VLXD Đà Nẵng	Số 255, Phan Châu Trinh, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở cộng ngang các số liệu trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các Chi nhánh sau khi đã loại trừ các khoản phải thu, phải trả, các giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ Công ty.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.5. Các khoản phải thu và Dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa Công ty và các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc (nếu có);
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản…

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trong đó:

- Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 24 đến 36 tháng;
- Các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ…

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.11. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Lãi tiền gửi, tiền vay; lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá...

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.12. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của kỳ kế toán, bao gồm: chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng; chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp); chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

4.13. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập dcanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: Những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 27.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	251.402.627	912.698.070
Tiền gửi ngân hàng	10.067.178.839	19.419.178.335
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
Cộng	**10.318.581.466**	**40.331.876.405**

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6-12 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài gòn - Hà Nội.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Cường Phú Hưng	5.225.886.612	2.992.292.762
DNTN Thương mại & dịch vụ Vương Quốc	4.772.729.746	3.509.139.246
Công ty TNHH Trường Phong	3.810.808.116	4.909.988.000
Công ty TNHH Thương mại & xây dựng Lâm Tùng Phương	3.261.243.012	4.469.542.112
Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Lâm	-	9.341.213.500
Các khoản phải thu khách hàng khác	62.720.019.870	51.305.910.979
Cộng	**79.790.687.356**	**76.528.086.599**

Phải thu khách hàng là các bên liên quan:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	3.327.798.979	3.763.734.699
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	47.599.615	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	579.451.752	-
Công ty Cổ Phần Xi măng Bỉm Sơn	1.039.778.911	-

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**835.423.579**	-	**907.595.462**	-
- Tạm ứng	177.638.376	-	209.237.950	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	12.000.000	-
- Phải thu khác	657.785.203	-	686.357.512	-
Dài hạn	-	-	**100.000.000**	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	100.000.000	-
Cộng	**835.423.579**	-	**1.007.595.462**	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	916.690.911	-	1.006.814.363	-
Nguyên liệu, vật liệu	18.831.390.691	-	17.873.553.494	-
Công cụ, dụng cụ	300.417.240	-	269.235.821	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.664.991.424	-	1.518.480.419	-
Thành phẩm	8.226.301.040	-	3.561.709.976	-
Hàng hoá	2.229.352.582	-	2.547.620.880	-
Cộng	**35.169.143.888**	**-**	**26.777.414.953**	**-**

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	**176.842.247**	**265.784.187**
Chi phí sửa chữa tài sản	68.175.000	51.786.000
Công cụ, dụng cụ	-	172.594.664
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	108.667.247	41.403.523
Dài hạn	**935.026.612**	**908.699.383**
Chi phí sửa chữa TSCĐ	553.776.612	908.699.383
Công cụ, dụng cụ	381.250.000	-

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	**380.478.722**	**864.110.308**
Trích trước chi phí vận chuyển bốc xếp	308.100.086	233.298.000
Chi phí phải trả khác	72.378.636	630.812.308
Dài hạn	**-**	**-**
- Lãi vay	-	-

12. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	**4.120.488.238**	**2.154.091.807**
Kinh phí công đoàn	172.985.480	6.434.856
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.970.000.000	153.411.949
Nhận ký quỹ, ký cược	30.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	947.502.758	1.994.245.002
Dài hạn	**-**	**241.250.000**
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	241.250.000

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2018	**30.307.120.119**	**67.944.503.821**	**10.867.812.538**	**1.215.640.361**	**110.335.076.839**
Mua trong năm	-	213.636.364	-	35.454.545	249.090.909
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(227.742.800)	-	(227.742.800)
Tại ngày 31/12/2018	**30.307.120.119**	**68.158.140.185**	**10.640.069.738**	**1.251.094.906**	**110.356.424.948**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2018	**19.917.071.679**	**57.638.563.565**	**10.442.662.806**	**1.101.843.682**	**89.100.141.732**
Khấu hao trong năm	963.479.035	2.396.975.942	87.909.946	34.358.261	3.482.723.184
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(227.742.800)	-	(227.742.800)
Tại ngày 31/12/2018	**20.880.550.714**	**60.035.539.507**	**10.302.829.952**	**1.136.201.943**	**92.355.122.116**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	**10.390.048.440**	**10.305.940.256**	**425.149.732**	**113.796.679**	**21.234.935.107**
Tại ngày 31/12/2018	**9.426.569.405**	**8.122.600.678**	**337.239.786**	**114.892.963**	**18.001.302.832**

Như đã thuyết minh tại Thuyết minh số 28, tại ngày 31/12/2018 giá trị còn lại của TSCĐ là nhà cửa vật kiến trúc tại 255 Phan Châu Trinh và 15 Lê Hồng Phong, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng lần lượt là 590.182.537 và 911.205.559 đồng.

14. NỢ XẤU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	31/12/2018				01/01/2018			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	Năm	VND	VND	VND	Năm	VND	VND	VND
Công ty TNHH Nghĩa Nhân	Trên 3 năm	3.511.777.535	-	(3.511.777.535)	Trên 3 năm	3.511.777.535	-	(3.511.777.535)
Công ty TNHH Mai Hương	Trên 3 năm	3.507.589.578	1.298.853.876	(2.208.735.702)	Dưới 3 năm	3.507.589.578	1.298.853.876	(2.208.735.702)
Các khách hàng khác		2.835.621.754	1.429.676.846	(1.405.944.908)		2.835.621.754	1.429.676.846	(1.405.944.908)
Cộng		**9.854.988.867**	**2.728.530.722**	**(7.126.458.145)**		**9.854.988.867**	**2.728.530.722**	**(7.126.458.145)**

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi Măng Vicem Hoàng Thạch	6.496.923.997	6.496.923.997	11.345.296.232	11.345.296.232
Hợp tác xã Minh Tiến	3.817.063.110	3.817.063.110	1.196.938.820	1.196.938.820
Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Ngân Hạnh	3.987.473.650	3.987.473.650	1.820.874.000	1.820.874.000
Công ty Cổ phần giấy Hoàng Văn Thụ	3.234.507.640	3.234.507.640	2.427.980.731	2.427.980.731
Công ty TNHH Một thành viên Huy Gia Minh	2.174.289.150	2.174.289.150	-	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	3.663.605.000	3.663.605.000	-	-
Công ty Cổ phần Hóa chất nhựa Đà Nẵng	-	-	3.846.062.500	3.846.062.500
Phải trả các nhà cung cấp khác	6.410.802.860	6.410.802.860	6.314.735.882	6.314.735.882
Cộng	**29.784.665.407**	**29.784.665.407**	**26.951.888.165**	**26.951.888.165**
Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty TNHH MTV Xi Măng Vicem Hoàng Thạch	6.496.923.997	6.496.923.997	11.345.296.232	11.345.296.232
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	3.663.605.000	3.663.605.000	-	-
Công ty Tư vấn đầu tư phát triển Xi măng	1.321.548.500	1.321.548.500	1.756.548.500	1.756.548.500
Công ty Cổ Phần Xi Măng Bỉm Sơn	-	-	979.521.089	979.521.089
Tổng công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam	70.992.527	70.992.527	70.095.541	70.095.541

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.303.863.292	3.884.033.053	4.579.157.318	608.739.027
Thuế thu nhập doanh nghiệp	402.969.285	76.649.358	451.088.398	28.530.245
Thuế thu nhập cá nhân	990.609	156.022.040	151.027.137	5.985.512
- Văn phòng công ty	*(426.645)*	*148.149.030*	*147.722.385*	-
- Nhà máy An Hòa	-	*1.887.498*	*1.887.498*	-
- Nhà máy Lai Nghi	*937.254*	*5.985.512*	*937.254*	*5.985.512*
- Xí nghiệp Vỏ bao	*480.000*	-	*480.000*	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.899.375	2.295.167.370	2.297.066.745	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Cộng	**1.709.722.561**	**6.418.871.821**	**7.485.339.598**	**643.254.784**
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	*426.645*			-
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	*1.710.149.206*			*643.254.784*

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2017	**99.000.000.000**	**725.357.511**	**16.096.851.573**	**1.099.865.301**	**116.922.074.385**
Lãi trong năm	-	-	-	5.897.825.061	5.897.825.061
Phân phối lợi nhuận	-	-	769.865.301	(1.099.865.301)	(330.000.000)
Tại ngày 01/01/2018	**99.000.000.000**	**725.357.511**	**16.866.716.874**	**5.897.825.061**	**122.489.899.446**
Lãi trong năm	-	-	-	150.953.284	150.953.284
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(5.517.000.000)	(5.517.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	**99.000.000.000**	**725.357.511**	**16.866.716.874**	**531.778.345**	**117.123.852.730**

(*) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 775-2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2018, Công ty thống nhất phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau: trích quỹ phúc lợi 1.200.000.000 đồng; trích quỹ khen thưởng 1.200.000.000 đồng; trích quỹ thưởng ban điều hành 147.000.000 đồng; chia cổ tức 2.970.000.000 đồng tương đương với 3% vốn điều lệ.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018	01/01/2018	Tỷ lệ
	VND	VND	(%)
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	65.147.000.000	65.147.000.000	65,81%
Vốn góp của các đối tượng khác	33.853.000.000	33.853.000.000	34,19%
Cộng	**99.000.000.000**	**99.000.000.000**	**100%**

Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**9.900.000**	**9.900.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**9.900.000**	**9.900.000**
- Cổ phiếu phổ thông	*9.900.000*	*9.900.000*
Số lượng cổ phiếu được mua lại	**-**	**-**
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**9.900.000**	**9.900.000**
- Cổ phiếu phổ thông	*9.900.000*	*9.900.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	***10.000***	***10.000***

18. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	335.961.746.078	301.462.302.341
- Doanh thu bán xi măng	*197.252.220.297*	*178.532.843.858*
- Doanh thu bán vỏ bao	*90.192.037.843*	*64.636.776.807*
- Doanh thu bán gạch	*48.517.487.938*	*58.292.681.676*
Doanh thu khác	1.969.984.558	2.507.867.100
Cộng	**337.931.730.636**	**303.970.169.441**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**8.773.258.814**	**6.048.568.680**
Chiết khấu thương mại	7.463.804.274	6.048.568.680
Hàng bán bị trả lại	1.309.454.540	-
Doanh thu thuần	**329.158.471.822**	**297.921.600.761**

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	3.300.378.900	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	1.563.000.000	2.340.118.920
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	6.349.521.900	7.390.787.600
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	38.823.015.907	8.462.325.954
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	526.774.320	-

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	310.464.208.121	268.954.092.164
- Giá vốn bán xi măng	*184.704.290.491*	*167.122.783.736*
- Giá vốn bán vỏ bao xi măng	*89.974.542.206*	*64.500.868.012*
- Giá vốn bán gạch	*35.785.375.424*	*37.330.440.416*
Giá vốn hoạt động khác	2.314.387.585	3.664.287.722
Cộng	**312.778.595.706**	**272.618.379.886**

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**11.144.284.361**	**14.213.218.413**
Chi phí nhân viên quản lý	6.258.102.962	6.756.015.270
Chi phí công cụ, dụng cụ	168.246.636	181.951.598
Chi phí khấu hao TSCĐ	158.847.384	238.614.825
Thuế, phí, lệ phí	2.062.362.337	1.077.654.491
Chi phí dự phòng	-	2.567.263.352
Chi phí dịch vụ mua ngoài	454.846.445	457.346.670
Chi phí khác bằng tiền	2.041.878.597	2.934.372.207
Chi phí bán hàng	**10.147.467.085**	**11.478.054.025**
Chi phí nhân viên	5.522.601.875	6.586.076.168
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	1.452.550
Chi phí khấu hao TSCĐ	449.480.367	538.965.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.804.935.293	2.894.928.776
Chi phí khác bằng tiền	370.449.550	1.456.631.351

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.278.840.199	1.590.746.385
Cộng	**1.278.840.199**	**1.590.746.385**

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ chuyển nhượng dự án Cam Ranh	-	9.320.198.428
Thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	34.545.454	-
Thu nhập từ cho thuê kho, cửa hàng	1.624.073.181	1.951.970.087
Thu nhập từ bán phế liệu	1.104.192.047	796.869.838
Thu nhập khác	1.730.431.991	461.523.537
Cộng	**4.493.242.673**	**12.530.561.890**

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí chuyển nhượng dự án Cam Ranh	-	5.252.071.667
Các khoản khác	553.897.300	1.007.631.618
Cộng	**553.897.300**	**6.259.703.285**

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	303.670.335.393	153.650.785.418
Chi phí nhân công	33.306.183.658	34.518.060.431
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.482.723.184	5.700.371.395
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.392.697.586	11.628.226.228
Chi phí khác bằng tiền	16.287.516.961	11.552.311.028
Cộng	**373.139.456.782**	**217.049.754.500**

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**227.602.642**	**7.405.873.427**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
- Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	*155.644.147*	*134.368.402*
Tổng Thu nhập chịu thuế	**383.246.789**	**7.540.241.829**
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**76.649.358**	**1.508.048.366**

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**150.953.284**	**5.897.825.061**
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	2.547.000.000
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**150.953.284**	**3.350.825.061**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.900.000	9.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**15**	**338**

(*): Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi loại trừ khỏi lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của năm 2017 là số được phân phối theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 775-2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2018.

27. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (Vicem)	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con của Vicem
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con của Vicem
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	Công ty con của Vicem
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	Công ty con của Vicem
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con của Vicem
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty con của Vicem
Công ty Tư vấn Đầu tư phát triển xi măng	Đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có số dư và giao dịch với các bên liên quan sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	25.536.777.274	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	102.595.492.130	134.739.216.959
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	45.547.662.512	25.391.555.481
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	-	72.763.626
Phí dịch vụ đào tạo		
Viện công nghệ xi măng VICEM	-	27.050.000
Phí tư vấn		
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	241.875.298	198.108.716
Thu nhập khác		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	735.432.800	345.588.525
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	-	9.320.198.428
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	-	4.320.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	-	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	13.380.000	-
Thu nhập của HĐQT, Ban Giám đốc	**1.537.725.833**	**1.428.000.000**

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	766.147.762	4.037.606.394
Phải trả ngắn hạn khác		
Cổ tức phải trả Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	1.954.410.000	-

28. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin liên quan đến việc thu hồi đất tại trụ sở Công ty và Xí nghiệp kinh doanh: Căn cứ theo quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của UBND thành phố Đà nẵng về việc thu hồi đất của Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng, theo đó thành phố sẽ thu hồi đất có diện tích 1.011,6 m2 do Công ty đang quản lý tại số 255 đường Phan Châu Trinh, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Lý do thu hồi: do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật; và Căn cứ theo quyết định số 2514/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của UBND thành phố Đà nẵng về việc thu hồi đất của Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng, quyết định thu hồi đất có diện tích 3.107,6 m2 do Công ty đang quản lý tại số 15 đường Lê Hồng Phong, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Lý do thu hồi: do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật.

Đến ngày 31/12/2018, Xí nghiệp kinh doanh đã di dời nhưng Văn phòng Công ty chưa có kế hoạch di dời cụ thể. Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền liên quan về vấn đề này.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh Công cụ tài chính.

	Giá trị ghi sổ 31/12/2018	Giá trị ghi sổ 01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.318.581.466	40.331.876.405
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	21.000.000.000	-
Phải thu của khách hàng	79.790.687.356	76.528.086.599
Phải thu khác	835.423.579	907.595.462
Cộng	**111.944.692.401**	**117.767.558.466**
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	29.784.665.407	26.951.888.165
Chi phí phải trả	380.478.722	864.110.308
Phải trả khác	3.947.502.758	2.147.656.951
Cộng	**34.112.646.887**	**29.963.655.424**
Trừ đi các khoản dự phòng	(7.126.458.145)	(7.126.458.145)

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

- *Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách

hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Đến 1 năm	Trên 1 năm
	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018		
Phải trả người bán	29.784.665.407	-
Chi phí phải trả	380.478.722	-
Phải trả khác	3.947.502.758	-
Cộng	**34.112.646.887**	**-**
Tại ngày 01/01/2018		
Phải trả người bán	26.951.888.165	-
Chi phí phải trả	864.110.308	-
Phải trả khác	2.147.656.951	-
Cộng	**29.963.655.424**	**-**

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính này.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Huỳnh Minh	Đinh Ngọc Châu	Trần Văn Khôi

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM - VICEM
CÔNG TY CP VICEM VLXD ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 2019/TTr-HĐQT

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP VICEM VLXD Đà Nẵng.

- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng;*
- *Căn cứ báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng đã được kiểm toán;*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tỉ lệ %	Số tiền
I	**Vốn điều lệ**	**Đồng**		**99.000.000.000**
II	**Tổng lợi nhuận sau thuế có thể phân phối năm 2018**	**Đồng**		**531.778.345**
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017	Đồng		380.825.061
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2018	Đồng		150.953.284
III	**Tổng lợi nhuận sau thuế để lại chưa phân phối**	**Đồng**		**531.778.345**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Trân trọng cảm ơn!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Doãn Nam Khánh

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu VT, TCKT,HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VLXD ĐÀ NẴNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do- Hạnh phúc
Số:..... -2019/TTr-HĐQT	*Đà Nẵng, ngày tháng năm 2019*

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v: Thông qua mức thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và Kế hoạch thù lao 2019)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP VICEM VLXD Đà Nẵng.

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng;*
- *Căn cứ Kết quả HĐKD năm 2018 và Kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công ty;*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao năm 2018 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Kế hoạch thù lao năm 2019 như sau:

1. Mức thù lao năm 2018:

Tổng chi phí cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 là: **380.000.000 đồng** đúng như Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018

2. Kế hoạch thù lao năm 2019:

Mức thù lao cho HĐQT và BKS năm 2019 giữ như năm 2018 như sau:

Stt	Chức danh	Số lượng	Mức thù lao tối đa (đồng/người/tháng)	Số tháng /năm	Thành tiền (đồng)
I	**Hội đồng quản trị**				
1	Chủ tịch HĐQT	1	6.000.000	12	72.000.000
2	Ủy viên HĐQT.	4	4.000.000	12	192.000.000
3	Thành viên BKS,người phụ trách quản trị	3	3.000.000	12	108.000.000
	Cộng				**372.000.000**
III	**Chi phí đi lại hội họp, giao dịch của HĐQT.**				**50.000.000**
	Tổng cộng				**422.000.000**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Doãn Nam Khánh

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu VT, TCKT,HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN **VICEM VLXD ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do- Hạnh phúc**
Số:..... -2019/TTr-BKS	*Đà Nẵng, ngày tháng năm 2019*

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng.

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng;*

Ban kiểm soát Công ty CP VICEM VLXD Đà Nẵng kính trình Đại hội việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty như sau:

1. Tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín và được chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết theo quy định của pháp luật về chứng khoán;
- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính;
- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Đề xuất

Để chuẩn bị cho việc kiểm toán tài chính năm 2019, Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội phê duyệt danh sách các Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt. Địa chỉ Tầng 12, Tòa nhà 167 - Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội – Điện thoại (024).62782904 – Fax (024).62782905
2. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Địa chỉ Tầng 8, Tòa nhà ConnerStone, 16 Phan Châu Trinh , Quận Hoàn Kiếm Hà Nội – Điện thoại (024).3315100.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các công ty kiểm toán trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua!

T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Đã ký)

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu VT, TCKT, HĐQT, BKS.

Nguyễn Thị Thu Hằng

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VLXD ĐÀ NẴNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do- Hạnh phúc
Số:..... -2019/TTr-HĐQT	*Đà Nẵng, ngày tháng năm 2019*

TỜ TRÌNH

V/v thông qua việc ký kết Hợp đồng mua bán XM năm 2019 với các Công ty thành viên của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (Vicem) và các Hợp đồng mua bán vỏ bao xi măng với các Công ty sản xuất xi măng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng;

Tổng giá trị tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 là 160.636.133.033 đồng, 35% giá trị tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 là 56.222.646.562 đồng;

Theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp, Điều 15 Điều lệ Công ty: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông; khoản 2: Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau; mục n: Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận để Công ty ký kết hợp đồng mua bán năm 2019 với các đơn vị thành viên của VICEM và các Hợp đồng mua bán vỏ bao xi măng với các Công ty sản xuất xi măng , bao gồm:

TT	Công ty	Sản lượng dự kiến	Giá trị tạm tính (đ)
1	Công ty XM Vicem Hoàng Thạch	70.000 tấn	77.000.000.000
2	Công ty XM Vicem Hải Vân	120.000 tấn	153.870.000.000
3	Hợp đồng mua bán vỏ bao VICEM Hải Vân	10.000.000 vỏ	≥56.000.000.000

Giao cho Giám đốc Công ty ký kết và triển khai thực hiện hợp đồng đảm bảo đúng các quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty.

- Đại hội đồng cổ đông hàng năm thường được tổ chức vào tháng 4, để đảm bảo việc kinh doanh được liên tục, nếu năm 2020 Công ty vẫn tiếp tục ký Hợp đồng mua bán xi măng, vỏ bao xi măng với các Công ty thành viên của VICEM có giá trị hợp đồng > 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất,

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT công ty xem xét thông qua và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất./

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu: VT, HĐQT.

Doãn Nam Khánh